

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 16-12-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con, nợ chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Ngẫu

Các Thẩm phán: 1. Bà Trương Thị Tuyên;
2. Bà Nguyễn Thị An Tiên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phở, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mộng Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 52/2022/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nợ chung”

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 69/2022/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXPT-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** chị **Hồ Thị Kim K**, sinh năm 1990;

Địa chỉ cư trú: số G35/9, ấp H, phường T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; Có mặt.

- ***Bị đơn:*** anh **Lâm Minh Đ**, sinh năm 1978;

Địa chỉ cư trú: số 33, hẻm 7, đường Q, khu phố 4, phường 4, thành phố N, tỉnh Tây Ninh; Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Lâm Văn Đ: Ông Trần Văn H, sinh năm: 1963;

Địa chỉ cư trú: khu phố 5, phường 4, thành phố N, tỉnh Tây Ninh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Hòa Y, sinh năm: 1965.

Địa chỉ cư trú: số G35/9, ấp H, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Hòa Y: Bà Lê Thị Kiều D, sinh năm: 1981.

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã N, Huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người kháng cáo: chị Hồ Thị Kim K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 8 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn chị Hồ Thị Kim K trình bày:

Chị và anh Lâm Minh Đ kết với nhau vào năm 2016, có đăng ký; đến năm 2021 thì ly hôn theo Quyết định số 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02-02-2021 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Tây Ninh. Sau khi ly hôn được 2-3 tháng chị và anh Lâm Minh Đ bắt đầu chung sống lại như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống lại, do bất đồng quan điểm sống và xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh Đ đánh và đuổi chị ra khỏi nhà, chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 7-2022 đến nay. Chị nhận thấy không thể sống chung được nữa, tình cảm không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ.

Con chung: có 01 con chung tên Lâm Tâm N, sinh ngày 17-12-2021; tại đơn khởi kiện, chị yêu cầu giao con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Quá trình làm việc và tại phiên tòa sơ thẩm, chị K yêu cầu được quyền nuôi con chung và yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: chị và anh Đ có vay của bà Lê Hòa Y (mẹ ruột chị K) số tiền 245.000.000 đồng để mua xe. chị đồng ý có nghĩa vụ liên đới cùng với anh Đ hoàn trả cho bà Y số tiền 245.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Lâm Minh Đ trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của chị K về thời gian kết hôn, ly hôn và sống chung lại với nhau không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, nay anh đồng ý ly hôn với chị K.

Con chung: có 01 con chung tên Lâm Tâm N, sinh ngày 17-12-2021, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị K cấp dưỡng con.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Y, vì bà Y không giao tiền cho anh số tiền 245.000.000 đồng mà giao trực tiếp cho chị K.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bà Lê Hòa Y – bà Lê Thị Kiều D trình bày: bà Y có cho anh Đ và chị K vay số tiền 245.000.000 đồng vào khoảng tháng 02-2022, vay để mua xe. Khi vay không thể chấp, không viết biên nhận, do là mẹ vợ và con rể. Nay bà yêu cầu anh Đ và chị K có nghĩa vụ hoàn trả cho bà số tiền 245.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 69/2022/HNGĐ-ST ngày 10-10-2022 của Tòa án nhân dân thành phố N đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hồ Thị Kim K và anh Lâm Minh Đ.

2. Về con chung: giao con chung tên Lâm Tâm N, sinh ngày 17-12-2021 cho anh Lâm Minh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận anh Đ không yêu cầu chị K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Hồ Thị Kim K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: chị K và anh Đ không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: buộc anh Lâm Minh Đ và chị Hồ Thị Kim K có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Hòa Y số tiền 245.000.000 đồng; mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Hòa Y số 122.500.000 đồng. Ghi nhận bà Y không yêu cầu tính lãi suất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 10 năm 2022, chị Hồ Thị Kim K có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao con chung là cháu Lâm Tâm N, sinh ngày 27-12-2021 cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Bởi các lý do:

- Con của chị mới được khoảng 10 tháng tuổi, là con gái nên rất cần mẹ để trông nom, chăm sóc. Anh Đ không trực tiếp chăm sóc con mà giao cho chị anh Đ ở chung nhà với anh Đ chăm sóc. Anh Đ có thu nhập không ổn định, không có nhà đất mà ở trên nhà đất của anh anh Đ đứng tên.

- Bản thân chị có việc làm thu nhập ổn định, chị sống cùng cha mẹ ruột, nên có điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tại phiên tòa:

- Chị Hồ Thị Kim Kh giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của chị, giao cháu Lâm Tâm N cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng.

- Anh Lâm Minh Đ yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị K, giữ nguyên bản sơ thẩm. Nếu Tòa án quyết định giao con chung cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa trình bày ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của chị Hồ Thị Kim K, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao cháu Lâm Tâm N, sinh ngày 17-12-2021 cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu N theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Tây Ninh xét xử vụ án vào ngày 10-10-2022; ngày 11-10-2022, nguyên đơn Hồ Thị Kim K có đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của chị K trong thời hạn luật định, hợp lệ, phù hợp với quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của chị Hồ Thị Kim K, thấy rằng:

[2.1] Chị Hồ Thị Kim K và anh Lâm Minh Đ có 01 con chung tên Lâm Tâm N, sinh ngày 17-12-2021, hiện do anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Tại đơn khởi kiện chị K yêu cầu giao con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 23-9-2022 và tại phiên

tòa sơ thẩm, chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 đồng/tháng. Anh Đ không đồng ý theo yêu cầu của chị K, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.2] Tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”.

[2.3] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định chị K đã giao con lại cho anh Đ nuôi dưỡng từ khi chị bỏ đi, hiện không có nhà riêng, công việc không ổn định; con chung hiện đang sống với anh Đ và do anh Đ trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Mặt khác, anh Đ có chị gái không có gia đình, hiện sống chung với anh Đ, phụ giúp anh Đ chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Tâm N, anh Đ có công việc ổn định và quyết định giao cháu N cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.4] Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, chị K trình bày hiện tại chị sống chung nhà với cha mẹ ruột của chị, chị có nghề nghiệp mua bán quần áo, có thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng, chị có đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hiện nay cháu Lâm Tâm N chưa đủ 12 tháng tuổi, nên xét thấy cần phải giao cháu Lâm Tâm N cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.5] Về cấp dưỡng nuôi con: chị K yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu Lâm Tâm N mỗi tháng 3.000.000 đồng, xét thấy: tại phiên tòa, anh Đ trình bày, anh có nghề nghiệp là thợ sửa chữa ô tô, ngoài công việc sửa chữa ô tô, anh còn mua bán xe ô tô cũ, có thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 20.000.000 đồng. Do đó, căn cứ Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 3.000.000 đồng, cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

[3] Từ những nhận định trên, chấp nhận kháng cáo của chị Hồ Thị Kim K; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

[4.1] Do kháng cáo được chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm nên chị Hồ Thị Kim K không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4.2] Do buộc anh Lâm Minh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên anh Đ phải chịu tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sửa Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 69/2022/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53, khoản 3 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463, Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không công nhận chị Hồ Thị Kim K và anh Lâm Minh Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: giao con chung tên Lâm Tâm N, sinh ngày 17-12-2021 cho chị Hồ Thị Kim K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Lâm Minh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lâm Tâm N mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Anh Lâm Minh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: chị Hồ Thị Kim K và anh Lâm Minh Đ không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: buộc anh Lâm Minh Đ và chị Hồ Thị Kim K có nghĩa vụ trả cho bà Lê Hòa Y số tiền 245.000.000 đồng. Trong đó, anh Đ và chị K mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà Lê Hòa Y số 122.500.000 (Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng. Ghi nhận bà Y không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí:

5.1. Chị Hồ Thị Kim K không phải chịu án phí phúc thẩm; phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn và 6.125.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp 600.000 đồng tại các Biên lai thu tiền số 0001263 ngày 08-8-2022 và 0001381 ngày 11-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành

phố N, tỉnh Tây Ninh. Chị K còn phải nộp 5.825.000 (năm triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí.

5.2. Anh Lâm Minh Đ phải chịu 6.125.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng, anh Đ phải chịu 6.425.000 (sáu triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí.

5.3. Bà Lê Hòa Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; được hoàn trả lại cho bà Lê Hòa Y 6.125.000 (sáu triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0001275 ngày 15-8-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Tây Ninh.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND TP N;
- Chi cục THADS TP N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Văn Ngẫu